

NỘI DUNG ÔN TẬP BỆNH HỌC NGOẠI KHỔ Y SỸ

Câu 1 : Khám người bệnh bị thoát vị bẹn thường thấy khối thoát vị:

- A.** Nhỏ dần khi nằm nghỉ
- B.** Nhỏ dần khi rặn
- C.** Nhỏ dần khi đứng lâu
- D.** Nhỏ dần khi chạy nhảy

Câu 2 : Dập não là tình trạng:

- A.** Co thắt các mạch máu não
- B.** Rung chuyển các não thất
- C.** Tổn thương nhu mô não khu trú
- D.** Tích tụ nước trong mô não

Câu 3 : Khi chăm sóc người bệnh có hậu môn nhân tạo, que thủy tinh được rút sau:

- A.** 3 ngày
- B.** 5 ngày
- C.** 2 ngày
- D.** 4 ngày

Câu 4 : Khi tiếp nhận bệnh nhân chấn thương sọ não nặng y sỹ cần:

- A.** Rửa vết thương
- B.** Kiểm tra sự thông khí
- C.** Truyền dịch
- D.** Truyền máu

Câu 5 : Xử trí đối với bong gân độ III:

- A.** Chườm lạnh, băng ép
- B.** Phẫu thuật, tập vật lý trị liệu
- C.** Dùng thuốc giảm đau
- D.** Băng ép, dùng thuốc

Câu 6 : Nguyên nhân gây tắc ruột cơ năng là:

- A.** Viêm phúc mạc
- B.** Rối loạn tiêu hóa
- C.** Bã thức ăn
- D.** Xoắn ruột

Câu 7 : Điều nào KHÔNG ĐÚNG trong băng cố định gãy xương sườn:

- A.** Băng nửa ngực
- B.** Trên và dưới một xương sườn
- C.** Băng dính to bản
- D.** Băng trong thì hít vào tối đa

Câu 8 : Cho người bệnh ngâm hậu môn bằng nước ấm mỗi ngày từ:

- A.** 2-3 lần
- B.** 2-3 lần và sau mỗi lần đi tiêu
- C.** 4-5 lần
- D.** Sau mỗi lần đi tiêu

Câu 9 : Điều nào sau đây KHÔNG PHẢI là của nội soi trong ung thư dạ dày:

- A.** Xác định chẩn đoán về đại thể
- B.** Sinh thiết được tổn thương
- C.** Xác định vị trí tổn thương
- D.** Phát hiện các tổn thương di căn

Câu 10 : Hậu môn nhân tạo được chia làm hai loại:

- A.** Hoàn toàn và tạm thời
- B.** Hoàn toàn và một phần
- C.** Tạm thời và vĩnh viễn
- D.** Vĩnh viễn và tận cùng

Câu 11 : Phương pháp điều trị sỏi thận nào thường dùng:

- A.** Nội khoa
- B.** Lấy sỏi qua nội soi
- C.** Phá sỏi qua da
- D.** Mổ lấy sỏi

Câu 12 : Đây là những việc cần làm trước phẫu thuật chấn thương sọ não, NGOẠI TRỪ:

- A.** Tập vận động
- B.** Xét nghiệm
- C.** Đảm bảo thông khí
- D.** Truyền dịch

Câu 13 : Đây là đặc điểm của máu tụ dưới màng cứng cấp tính, NGOẠI TRỪ:

- A.** Liệt 1/2 người
- B.** Mê nhanh sau chấn thương
- C.** Cơ co cứng mất não
- D.** Giãn đồng tử bên tổn thương

Câu 14 : Triệu chứng nào KHÔNG CÓ trong tràn máu màng phổi:

- A.** Sốc mất máu
- B.** Rì rào phế nang giảm
- C.** Rung thanh giảm
- D.** Gõ vang bên tổn thương

Câu 15 : Điều quan trọng nhất trong xác định chẩn đoán viêm ruột thừa là:

- A.** X quang bụng
- B.** Khám lâm sàng
- C.** Xét nghiệm bạch cầu
- D.** Siêu âm bụng

Câu 16 : Biến chứng của u xơ tiền liệt tuyến:

- A.** Nhiễm trùng huyết
- B.** Vô niệu
- C.** Vỡ bàng quang
- D.** Suy thận cấp

Câu 17 : Biến chứng muộn của hậu môn nhân tạo:

- A.** Hoại tử đại tràng đưa ra
- B.** Tắc đại tràng đưa ra
- C.** Thoát vị thành bụng chỗ đưa đại tràng ra
- D.** Áp xe dưới da quanh chỗ đưa đại tràng ra

Câu 18 : Hai nguyên nhân gây hẹp môn vị nhiều nhất, một là loét dạ dày tá tràng, hai là:

- A.** Khối u vùng tá tụy
C. Bỏng niêm mạc dạ dày tá tràng
- Câu 19 :** Biến chứng cấp trong sỏi mật:
A. Gan to
C. Xơ gan
- Câu 20 :** Triệu chứng cơ năng của ung thư đại trực tràng:
A. Rối loạn tiêu hóa
C. Đau bụng
- Câu 21 :** Sau dẫn lưu màng phổi gặp tai biến vỡ bình dẫn lưu người điều dưỡng phải:
A. Kẹp ngay ống dẫn lưu lại
C. Rút ngay ống dẫn lưu
- Câu 22 :** Bệnh trĩ là bệnh phổ biến ở:
A. Trung quốc
C. Việt Nam
- Câu 23 :** Xử trí bị chấn thương sọ não hở:
A. Bôi thuốc vào vết thương
C. Băng ép chặt, bảo vệ não
- Câu 24 :** Hình ảnh X quang cơ bản của hẹp môn vị giai đoạn đầu là:
A. Dạ dày không co bóp
C. Có nhiều mẫu thức ăn trong dạ dày
- Câu 25 :** Khối lồng ruột gồm có:
A. Đầu khối lồng và đuôi khối lồng
C. Đầu khối lồng và cổ khối lồng
- Câu 26 :** Trong điều trị hẹp môn vị thực thể cần phải:
A. Dùng các thuốc chống co thắt và theo dõi
C. Không cần phẫu thuật
- Câu 27 :** Tổn thương nào do gãy cột sống do gặp ra phía trước:
A. Gãy thân đốt sống không có gặp góc ống sống
C. Thân đốt sống bị vỡ toát từ trước ra sau
- Câu 28 :** Trước phẫu thuật chấn thương sọ não KHÔNG NÊN:
A. Chăm sóc đường thở
C. Theo dõi dấu hiệu sinh tồn
- Câu 29 :** Bệnh nhân bị vết thương thấu ngực, trong sơ cứu cần:
A. Đặt dẫn lưu màng phổi
C. Đặt ống dẫn lưu vết thương để theo dõi
- Câu 30 :** Câu nào sau đây SAI trong gãy cột sống không liệt tủy:
A. Đau nơi tổn thương
C. Giảm cơ năng
- Câu 31 :** Trật khớp là sự di lệch hoàn toàn hoặc không hoàn toàn của các:
A. Dây chằng
C. Mặt khớp
- Câu 32 :** Vị trí của tổn thương ung thư hay gặp nhiều nhất ở đại trực tràng là:
A. Lên và xuống
C. Ngang
- Câu 33 :** Triệu chứng đi tiêu ra máu gặp trong bệnh sau, NGOẠI TRỪ:
A. Lao hồi manh tràng
C. Pôlip đại tràng
- Câu 34 :** Tiểu máu trong sỏi thận thường có biểu hiện:
A. Tiểu máu lắt nhắt, rỉ rả
C. Tiểu máu cuối dòng
- Câu 35 :** Cận lâm sàng nào quan trọng nhất trong chẩn đoán ung thư dạ dày:
A. Chụp thực quản – dạ dày – tá tràng cản quang
C. CT scan
- B.** Màng ngăn niêm mạc
D. Ung thư hang môn vị
- B.** Viêm tụy cấp
D. Viêm gan
- B.** Tiêu ra máu
D. Tất cả đúng
- B.** Báo bác sỹ ngay
D. Thay bình mới
- B.** Lào
D. Tất cả các nước
- B.** Cho người bệnh nằm nghiêng một bên
D. Thăm dò vết thương
- B.** Ứ đọng nhiều thuốc cản quang
D. Tăng nhu động
- B.** Đầu khối lồng và thân khối lồng
D. Thân khối lồng và cổ khối lồng
- B.** Phẫu thuật ngay
D. Cần bồi phụ nước và điện giải trước mổ
- B.** Gãy các gai đốt sống đơn thuần
D. Phần trước thân đốt sống bị dồn ép thành hình chêm
- B.** Thăm dò hay băng ép vết thương
D. Theo dõi và chăm sóc bệnh nhân sốc
- B.** Lập tức băng kín vết thương
D. Hút máu ở vết thương mỗi 15 phút
- B.** Biến dạng cột sống
D. Co cứng dương vật
- B.** Sụn tiếp hợp
D. Gân cơ
- B.** Chậu hông và trực tràng
D. Góc gan và góc lách
- B.** Ly amip
D. Ung thư đại tràng
- B.** Tiểu máu toàn bãi
D. Tiểu máu giữa dòng
- B.** Chất chỉ điểm ung thư (CEA)
D. Nội soi dạ dày

Câu 36 : Máu tụ ngoài màng cứng do:

- A.** Đứt động mạch màng não
- C.** A và B đúng

- B.** Đứt động mạch nuôi não
- D.** A và B sai

Câu 37 : Cơ chế sinh bệnh của viêm ruột thừa là do:

- A.** Viêm đại tràng
- C.** Chấn thương ruột thừa

- B.** Tắc nghẽn lòng ruột thừa
- D.** Ruột thừa tăng co thắt

Câu 38 : Tiên lượng bệnh nhân chấn thương sọ não có tiến triển tốt:

- A.** Khoảng tỉnh ngắn
- C.** Không có liệt

- B.** Glasgow 10 điểm
- D.** Kích thích đau đáp ứng

Câu 39 : Đây là những triệu chứng cơ năng của lồng ruột ở trẻ nhũ nhi, NGOẠI TRỪ:

- A.** Đột ngột bỏ bú, khóc thét
- C.** Tiêu phân đen

- B.** Nôn ói
- D.** Đại tiện phân nhầy máu mũi

Câu 40 : Triệu chứng absces nóng ở giai đoạn đầu:

- A.** Ổ viêm màu trắng
- C.** Tạo mủ

- B.** Nổi hạch ở gốc chi
- D.** Sốt nhẹ

Câu 41 : Điều trị bong gân độ III, điều nào sau đây SAI:

- A.** Tập vận động cơ lại sau 4 – 6 tuần
- C.** Có thể điều trị bảo tồn đối với những người trẻ

- B.** Bất động vững chắc khớp
- D.** Phẫu thuật nối sớm các dây chằng bị đứt

Câu 42 : Khi chấn thương vỡ tầng trước nền sọ, đường vỡ đi qua trần hốc mắt sẽ có dấu hiệu:

- A.** Chảy dịch não tủy qua mũi
- C.** Đeo kính râm

- B.** Điếc tai
- D.** Liệt thần kinh số II

Câu 43 : Rối loạn tiêu hóa trong ung thư đại tràng:

- A.** Tiêu chảy kéo dài
- C.** Tiêu chảy xen kẽ táo bón

- B.** Táo bón kéo dài
- D.** Cả A, B, C đều sai

Câu 44 : Đây là những triệu chứng để chẩn đoán chèn ép khoang, NGOẠI TRỪ:

- A.** Đau khi kéo dài thụ động, cơ nằm trong khoang
- B.** Đau khi ấn vào khoang bị chèn ép bị chèn ép
- C.** Đau tự nhiên, dữ dội ngày càng tăng ở chi chấn
- D.** Đau ngay sau khi bị chấn thương thương

Câu 45 : Điều nào KHÔNG PHẢI là điều kiện dễ gây tắc mạch máu do mỡ theo Peltier:

- A.** Vận chuyển xóc
- C.** Không bất động sớm

- B.** Gãy nhiều xương dài
- D.** Người già

Câu 46 : Thuốc điều trị sỏi urat:

- A.** Zyloric
- C.** Kim tiền thảo

- B.** Buscopan
- D.** Diệp hạ châu

Câu 47 : Tai biến nào KHÔNG GẶP ở bệnh nhân sau bó bột:

- A.** Teo cơ, cứng khớp
- C.** Hoại tử chi do bột chặt

- B.** Tổn thương hóa học do điện phân vật liệu
- D.** Rối loạn dinh dưỡng

Câu 48 : Triệu chứng thường gặp của ung thư dạ dày:

- A.** Nôn ra máu
- C.** Đau thượng vị

- B.** Chướng bụng
- D.** Chán ăn kèm sút cân

Câu 49 : Dấu hiệu chứng tỏ niệu đạo trước bị chấn thương:

- A.** Tụ máu hình cánh bướm
- C.** Tiểu đỏ toàn dòng

- B.** Vỡ bàng quang
- D.** Xương chậu bị gãy

Câu 50 : Trường hợp nào gây gãy các gai đốt sống đơn thuần:

- A.** Gãy do dồn ép
- C.** Gãy do gập góc ra trước

- B.** Gãy do ưỡn ngửa ra sau
- D.** Gãy do tác động mạnh lên phía sau

Câu 51 : Cơ chế gây hẹp môn vị có thể do:

- A.** Ổ loét ở môn vị
- C.** Co thắt

- B.** Viêm nhiễm
- D.** A, B, C đúng

Câu 52 : Cận lâm sàng chẩn đoán chấn thương thận:

- A.** Xét nghiệm máu
- C.** Cấy nước tiểu

- B.** X quang
- D.** Tổng phân tích nước tiểu

Câu 53 : Đây là đặc điểm của dập não, NGOẠI TRỪ:

- A.** Kích thích gãy dựa, vật vã
C. Là tình trạng tích tụ nước trong mô não
- Câu 54 :** Di chứng của bong gân:
A. Viêm bao khớp vi trùng
C. Thoái hóa khớp
- Câu 55 :** Chỉ nên di chuyển người bệnh sang phòng hồi sức sau phẫu thuật khi huyết áp cực đại lớn hơn
A. 90 mmHg
C. 100 mmHg
- Câu 56 :** Tính chất đau trong thủng dạ dày:
A. Dữ dội vùng thượng vị
C. Dữ dội hạ sườn trái
- Câu 57 :** Nạn nhân bị gậy đánh vào đầu, thường tổn thương ở vị trí:
A. Trực tiếp nơi bị chấn thương
C. Cả A và B đúng
- Câu 58 :** Lòng ruột ở trẻ nhũ nhi nếu đến sớm, khám có thể thấy:
A. Sờ thấy khối lồng
C. Cả A và B đều đúng
- Câu 59 :** Đây là các kiểu hậu môn nhân tạo, NGOẠI TRỪ:
A. Một phần
C. Tạm thời
- Câu 60 :** Nắn trật khớp phải nắn:
A. Theo chiều biến dạng
C. Ngược theo biến dạng
- Câu 61 :** Triệu chứng nào sau đây KHÔNG GẶP trong viêm phúc mạc:
A. Sốt cao
C. Co cứng thành bụng
- Câu 62 :** Màng sườn di động khi gãy ba xương sườn liền nhau trở lên... gãy từ 2 chỗ trở lên trên một xương
A. Không
C. Thường
- Câu 63 :** Chọc dẫn lưu trong tràn máu màng phổi ở vị trí:
A. Khoang liên sườn V-VI đường nách trước
C. Khoang liên sườn II đường giữa đòn
- Câu 64 :** Triệu chứng nào báo hiệu có tổn thương thận, NGOẠI TRỪ:
A. Đái gắt buốt, bí đái
C. Hồ thất lưng đầy và đau
- Câu 65 :** Biến chứng nặng của viêm ruột thừa cấp có thể gây tử vong là:
A. Viêm phúc mạc
C. Áp xe ruột thừa
- Câu 66 :** Đây là những tính chất của nôn trong hẹp môn vị giai đoạn sau, NGOẠI TRỪ:
A. Nôn ra nước xanh đen
C. Sau khi nôn hết đau
- Câu 67 :** Tiểu tắt thường là biểu hiện của:
A. Sỏi bể thận
C. Sỏi niệu quản
- Câu 68 :** Điều trị ngoại khoa bệnh trĩ:
A. Phẫu thuật cắt búi trĩ
C. Dùng kháng sinh toàn thân
- Câu 69 :** Biến chứng của trật khớp:
A. Trật khớp hoàn toàn
C. Trật khớp tái phát
- Câu 70 :** Triệu chứng của nhiễm trùng vết mổ:
A. Bụng chướng nhẹ và sốt
C. Đau bụng nhiều, sốt cao
- Câu 71 :** Trường hợp nào điều trị bảo tồn:
B. Mê ngay sau khi chấn thương
D. Liệt khu trú tương ứng vùng não tổn thương
- B.** Thấp khớp cấp
D. Viêm đa khớp dạng thấp
- B.** 80 mmHg
D. 120 mmHg
- B.** Đau âm ỉ có chu kỳ
D. Đau khắp bụng
- B.** Đối diện với bên chấn thương
D. Cả A và B sai
- B.** Hồ chậu phải rỗng
D. Cả A và B đều sai
- B.** Hoàn toàn
D. Tận cùng
- B.** Ra phía sau
D. Ra phía trước
- B.** Đau rần bò
D. Bạch cầu tăng
- B.** Hoặc
D. Và
- B.** Khoang liên sườn VIII-IX đường nách trước
D. Khoang liên sườn VIII-IX đường nách sau
- B.** Bệnh nhân bị chấn thương vùng hông lưng
D. Phản ứng thành bụng ở nửa bên bị chấn thương
- B.** Đám quánh ruột thừa
D. Nhiễm trùng
- B.** Nôn muộn sau ăn
D. Có khi nôn ra dịch mật
- B.** Sỏi bàng quang
D. Sỏi đài thận
- B.** Nong hậu môn tránh hẹp
D. Dùng thuốc rửa hậu môn hàng ngày
- B.** Trật khớp kín
D. Trật khớp không nắn được
- B.** Sốt, đau vết mổ, chân chỉ sưng tấy
D. Sốt nhẹ vào ngày 1, ngày 2 kèm theo nôn

- A.** Lún sọ kín
C. Chấn động não
- Câu 72 :** Sau phẫu thuật 2 – 3 ngày, dấu hiệu sắp có trung tiện là:
A. Sốt
C. Buồn
- Câu 73 :** Loại dịch nào dễ gây kích ứng phúc mạc:
A. Dịch vị
C. Máu
- Câu 74 :** Chụp đại tràng có cản quang trong lồng ruột cấp tính có thể thấy hình ảnh:
A. Đáy chậu
C. Càng cua
- Câu 75 :** U xơ tiền liệt tuyến thường gặp ở đối tượng:
A. Nam cao tuổi
C. Thanh niên
- Câu 76 :** Đây là đặc điểm của chấn động não, NGOẠI TRỪ:
A. Mê ngay sau chấn thương
C. Kích thích giãy dụa, vật vã
- Câu 77 :** Tiên lượng xấu cho ung thư dạ dày khi:
A. Là loại biệt hóa tốt
C. Kích thước $u < 2\text{cm}$
- Câu 78 :** Đây là những thương tổn tiền ung thư của đại tràng, NGOẠI TRỪ:
A. Bệnh Crohn
C. Phình đại tràng bẩm sinh
- Câu 79 :** Dinh dưỡng cho người bệnh sau mổ sỏi mật điều dưỡng hướng dẫn người bệnh:
A. Giàu đạm
C. Ăn hạn chế mỡ
- Câu 80 :** Đây là đặc điểm của máu tụ trong não, NGOẠI TRỪ:
A. Ít gặp nhất trong máu tụ trong hộp sọ
C. Có khoảng tĩnh rõ ràng
- Câu 81 :** Xử trí trong bệnh lý viêm phúc mạc cần:
A. Phẫu thuật, giải quyết nguyên nhân
C. Dinh dưỡng đầy đủ
- Câu 82 :** Thang điểm Glasgow có điểm tối đa và tối thiểu lần lượt là:
A. 15 và 0
C. 15 và 3
- Câu 83 :** Bong gân độ II:
A. Dây chằng bị đứt toàn bộ
C. Một số đáng kể sợi collagen bị đứt
- Câu 84 :** Đặc điểm sỏi mật chứa cholesteron:
A. Gặp nhiều ở các nước phát triển
C. Là sỏi của nhiễm trùng đường mật
- Câu 85 :** Gãy cột sống có liệt tủy chiếm khoảng ... trong gãy cột sống
A. 50 %
C. 90 %
- Câu 86 :** Đây là những biến chứng sớm của gãy xương, NGOẠI TRỪ:
A. Sốc chấn thương
C. Tổn thương mạch máu thần kinh
- Câu 87 :** Hậu môn nhân tạo được xé miệng sau phẫu thuật:
A. 24-48 giờ
C. 24-36 giờ
- Câu 88 :** Chẩn đoán phân biệt hẹp môn vị với:
A. Bệnh giãn to thực quản
C. Hẹp tá tràng
- Câu 89 :** Triệu chứng nào sau đây gặp trong giai đoạn sớm của bệnh u xơ tiền liệt tuyến:
A. Máu tụ nội sọ
C. Vết thương sọ não
- B.** Đau bụng từng cơn
D. Bụng chướng nhẹ
- B.** Dịch mật
D. A và B đúng
- B.** Mỏ chim
D. Khuyết
- B.** Trẻ em
D. Thiếu niên
- B.** Tỉnh lại sau 10 – 15 phút
D. Không để lại di chứng
- B.** Xâm lấn các hạch lân cận
D. Xâm lấn các chuỗi hạch xa
- B.** Viêm loét đại trực tràng xuất huyết
D. Polyp đại tràng
- B.** Ăn uống bình thường
D. Thay đổi chế độ ăn
- B.** Để lại nhiều di chứng
D. Tiên lượng tốt
- B.** Thuốc giảm đau, chống sốc
D. Truyền dịch, kháng sinh
- B.** 18 và 3
D. 18 và 0
- B.** Một số không đáng kể sợi collagen bị đứt
D. Dây chằng bị bong khỏi vị trí bám
- B.** Vị trí thường là ở ống mật chủ
D. Nhiều sỏi
- B.** 20 %
D. 10 %
- B.** Gãy xương hở
D. Cứng khớp và teo cơ
- B.** 12-24 giờ
D. 7-12 giờ
- B.** Hẹp giữa dạ dày
D. A, B, C đúng

A. Tiểu đêm

C. Có nước tiểu tồn lưu

B. Khám thấy tiền liệt tuyến mất rãnh giữa

D. Tiểu khó

Câu 90 : Bong gân là tổn thương:

A. Sụn tiếp hợp

C. Dây chằng của bao khớp

B. Gân cơ

D. Mặt khớp

Câu 91 : Triệu chứng nào sau đây ít có giá trị trong chẩn đoán thủng dạ dày-tá tràng:

A. Gõ mất vùng đục trước gan

C. X quang bụng đứng có liềm hơi dưới hoành

B. Nôn ói

D. Theo dõi sát diễn tiến của bệnh lý

Câu 92 : Bệnh lý nguyên nhân nào sau đây KHÔNG GÂY viêm phúc mạc:

A. Viêm túi mật hoại tử

C. Viêm ruột thừa vỡ mũ

B. Loét dạ dày tá tràng

D. Thai ngoài tử cung

Câu 93 : Bệnh nhân chấn thương sọ não có tiên lượng tốt:

A. Khoảng tỉnh ngắn

C. Mê ngay không có khoảng tỉnh

B. Glasgow 10 điểm

D. Glasgow 5 điểm

Câu 94 : Phòng bệnh thủng dạ dày nên:

A. Điều trị tốt bệnh lý dạ dày

C. Không dùng thuốc kháng viêm

B. Dùng thuốc diệt vi khuẩn H. Pylori

D. Uống thuốc dạ dày thường xuyên

Câu 95 : Chỉ định tháo lồng bằng bơm hơi đại tràng:

A. Không tắc ruột

C. Đến sớm trước 24 giờ

B. Chưa nhiễm trùng nhiễm độc

D. Tổng trạng còn tốt

Câu 96 : Triệu chứng dò cạnh hậu môn có đặc điểm:

A. Có lỗ dò chảy nước vàng từng đợt

C. Không sưng, căng cứng và đau

B. Mủ chảy ra liên tục

D. Có tiền sử áp xe mông

Câu 97 : Đây là những biểu hiện của viêm phúc mạc, NGOẠI TRỪ:

A. Sốt cao 38 - 39°C

C. Bí trung đại tiện

B. Tiểu nhiều, nước tiểu sẫm màu

D. Bạch cầu tăng rất cao

Câu 98 : Nguyên nhân gây đình nhọt thường gặp:

A. Liên cầu

C. Trực khuẩn mủ xanh

B. Tụ cầu vàng

D. A và B đúng

Câu 99 : Triệu chứng đau bụng trong viêm ruột thừa cấp có đặc điểm:

A. Đau vùng rốn sau lan xuống hố chậu phải

C. Đau dữ dội, đột ngột vùng thượng vị

B. Đau từng cơn, bí trung đại tiện

D. Đau vùng quanh rốn, nôn ói

Câu 100 : Ung thư đại tràng thường di căn sang cơ quan nào nhiều nhất:

A. Phổi

C. Gan

B. Bàng trứng

D. Thận

Câu 101 : Ngày đầu sau mổ u xơ tiền liệt tuyến, biến chứng nguy hiểm nhất là:

A. Chảy máu

C. Loét

B. Nhiễm trùng

D. Đau

Câu 102 : Cận lâm sàng nào có giá trị để phân chia giai đoạn ung thư dạ dày trước khi phẫu thuật:

A. Nội soi dạ dày

C. Siêu âm qua nội soi

B. Chụp thực quản – dạ dày – tá tràng cản quang

D. Chụp cắt lớp vi tính

Câu 103 : Triệu chứng chắc chắn của gãy xương:

A. Chi gãy mất cảm giác và vận động

C. Đầu chi tím lạnh mất mạch

B. Sưng nề, bầm tím vùng gãy xương

D. Chi gãy có cử động bất thường khi cố gắng cử động

Câu 104 : Triệu chứng cơ năng chủ yếu của bệnh trĩ:

A. Chảy máu khi đi cầu

C. Chảy mủ ở hậu môn

B. Đau liên tục ở hậu môn

D. Có khối lồi ở hậu môn

Câu 105 : Triệu chứng đau của bong gân:

A. Đau khi kê cao chi

C. Đau nhiều về đêm

B. Đau tự nhiên theo 3 thì

D. Đau liên tục

Câu 106 : Đặc điểm đau trong trật khớp:

A. Đau ngay sau khi chấn thương

C. Giảm hoặc mất cơ năng hoàn toàn

B. Bất động vẫn đau

D. A, B, C đúng

Câu 107 : Thời gian đóng hậu môn nhân tạo tạm thời sau khi mở là:

- A.** 2 – 3 tháng
- B.** 2 – 5 tuần
- C.** 2 – 4 tuần
- D.** 6 – 12 tháng

Câu 108 : Nguyên nhân gây vỡ niệu đạo sau:

- A.** Là biến chứng gãy xương chậu
- B.** Té ngồi trên vật cứng
- C.** Do đặt thông đờ lâu trong niệu đạo
- D.** Té cầu khỉ

Câu 109 : Người bệnh bó bột 24 giờ đầu cần theo dõi chi bó bột:

- A.** Chặt bột gây chèn ép vùng bó bột
- B.** Ngứa vùng bó bột
- C.** Đau vùng bó bột
- D.** Lột da vùng bó bột

Câu 110 : Thuốc dùng cấp cứu cơn đau quặn thận:

- A.** Buscopan
- B.** Thuốc lợi tiểu
- C.** Ciprofloxacin
- D.** Nergam

Câu 111 : Người bệnh thoát vị bẹn nên tránh đạp xe sau phẫu thuật ít nhất là bao nhiêu tuần:

- A.** 2
- B.** 4
- C.** 3
- D.** 1

Câu 112 : Phương pháp điều trị thủng dạ dày cấp:

- A.** Khâu lỗ thủng, đặt sonde dạ dày
- B.** Cắt toàn bộ dạ dày
- C.** Hút dịch dạ dày qua sonde
- D.** Dẫn lưu ổ bụng, dùng kháng sinh

Câu 113 : Trường hợp nào cần điều trị phẫu thuật:

- A.** Chấn động não
- B.** Phù não
- C.** Vết thương sọ não
- D.** Dập não

Câu 114 : Hẹp môn vị xuất hiện và tiến triển nhanh là thường do nguyên nhân:

- A.** Phì đại môn vị bẩm sinh
- B.** U đầu tụy
- C.** Loét dạ dày tá tràng
- D.** Ung thư hang môn vị

Câu 115 : Yếu tố thuận lợi gây tắc mạch máu do mỡ theo Peltier:

- A.** Loãng xương
- B.** Suy thở do bệnh tim phổi
- C.** A và B đúng
- D.** A và B sai

Câu 116 : Để vận chuyển nạn nhân chấn thương cột sống đến bệnh viện, điều nào sau đây SAI:

- A.** Dùng ván cứng (nếu không có khung)
- B.** Dùng chống tre, cánh cửa (nếu không có khung)
- C.** Dùng khung riêng để vận chuyển nạn nhân chấn thương cột sống
- D.** Dùng võng vải (nếu không có khung)

Câu 117 : PAS trong bệnh tiền liệt tuyến có đặc điểm:

- A.** Là kháng nguyên đặc hiệu của tiền liệt tuyến
- B.** Tăng rất cao trong đa số bệnh nhân u xơ tiền liệt tuyến
- C.** Chỉ tăng trong bệnh ung thư tiền liệt tuyến
- D.** Không tăng trong bệnh u xơ tiền liệt tuyến

Câu 118 : Nguyên tắc nào KHÔNG ĐÚNG trong theo dõi chấn thương và vết thương bụng:

- A.** Thăm khám toàn diện
- B.** Dùng thuốc giảm đau để dễ thăm khám
- C.** Thăm khám bởi 1 người hoặc 1 nhóm trực
- D.** Theo dõi sát diễn tiến của bệnh lý

Câu 119 : Tại Việt Nam, ung thư đại tràng đứng ... trong các ung thư đường tiêu hóa:

- A.** Thứ ba
- B.** Hàng đầu
- C.** Thứ hai
- D.** Cuối cùng

Câu 120 : Nước để bơm rửa bàng quang sau mổ u xơ tiền liệt tuyến là:

- A.** Dung dịch NaCl 9%
- B.** Nước ấm
- C.** Nước cất
- D.** Dung dịch NaCl 10%

Câu 121 : Di căn các hạch lân cận trong ung thư dạ dày chiếm tỷ lệ:

- A.** 10 %
- B.** 20 %
- C.** 80 %
- D.** 60 %

Câu 122 : Chỉ định mổ khẩn trong chấn thương sọ não:

- A.** Chấn động não
- B.** Máu tụ dưới màng cứng
- C.** Lún sọ kín, tụ máu
- D.** Máu tụ dưới da đầu

Câu 123 : Xử trí trường hợp thoát vị bẹn nghẹt:

- A.** Mổ cấp cứu
- B.** Hồi sức tích cực
- C.** Mổ chương trình
- D.** Đẩy khối thoát vị lên

Câu 124 : Trong phương pháp kéo liên tục đối với cột sống cổ, trọng lượng tạ là:

A. 1/8 – 1/6 trọng lượng cơ thể

C. 1/10 – 1/8 trọng lượng cơ thể

B. 1/14 – 1/10 trọng lượng cơ thể

D. 2 – 2,5 kg

Câu 125 : Chọn hướng xử trí khi có bệnh nhân đau hố chậu (P) âm ỉ kèm sốt nhẹ đến khám:

A. Dùng thuốc kháng sinh

C. Truyền dung dịch đậm

B. Nhập cấp cứu và theo dõi viêm ruột thừa

D. Dùng thuốc hạ sốt

Câu 126 : Triệu chứng nào sau đây ít có giá trị giúp chẩn đoán trong thủng dạ dày:

A. Nôn

C. X quang có liềm hơi dưới cơ hoành

B. Co cứng thành bụng

D. Đau bụng đột ngột, dữ dội

Câu 127 : Vết thương sọ não là tổn thương:

A. Có chảy máu ở vùng đầu

C. Thông khoang dưới nhện với môi trường bên ngoài

B. Vỡ xương sọ

D. Cả 3 câu trên đều đúng

Câu 128 : Dấu hiệu chắc chắn gãy xương:

A. Tiếng “lạo xạo” xương

C. Bầm tím nơi gãy

B. Mất cơ năng

D. Đau gây sốc

Câu 129 : Các yếu tố liên quan đến ung thư dạ dày:

A. Môi trường

C. Di truyền

B. Chế độ ăn uống, dinh dưỡng

D. Cả A, B và C đúng

Câu 130 : Trong phương pháp kéo liên tục đối với chi trên, trọng lượng tạ là:

A. 1/8 – 1/6 trọng lượng cơ thể

C. 1/10 – 1/8 trọng lượng cơ thể

B. 2 – 2,5 kg

D. 1/14 – 1/10 trọng lượng cơ thể

Câu 131 : Triệu chứng bong gân nhẹ:

A. Đau ít, cử động hạn chế

C. Không đau, phù nề nhiều

B. Đau nhiều khi đi

D. Đau dữ dội khi vận động

Câu 132 : Đây là những dấu hiệu của vỡ xương đá, NGOẠI TRỪ:

A. Chảy máu qua tai

C. Liệt mặt ngoại biên

B. Máu tụ vùng xương chũm

D. Chảy máu mũi

Câu 133 : Trường hợp có hình ảnh X quang nghi ngờ ung thư đại tràng cần tiến hành:

A. MRI đại tràng

C. Nội soi kèm sinh thiết đại tràng

B. CT Scanner đại tràng

D. Siêu âm đại tràng

Câu 134 : Điều trị trật khớp khuỷu, câu nào sau đây SAI:

A. Bất động khuỷu trong tư thế 90°

C. Cố định bằng bột Desault

B. Thời gian bất động 2 – 3 tuần

D. Chỉ lao động nặng sau 3 tháng từ ngày tháo bột

Câu 135 : Khởi đầu đau thượng vị, sau lan xuống hố chậu phải. Đây là biểu hiện của:

A. Viêm túi mật

C. Viêm tụy cấp

B. Viêm ruột thừa cấp

D. Thủng ổ loét dạ dày

Câu 136 : Loại dịch nào ít gây kích ứng phúc mạc:

A. Nước tiểu

C. Dịch vị

B. Máu

D. Dịch mật

Câu 137 : Thang điểm Glasgow dựa vào các yếu tố:

A. Mắt, khoảng tỉnh, vận động

C. Mắt, vận động, ngôn ngữ

B. Khoảng tỉnh, lời nói, vận động

D. Cấu véo, lời nói, liệt

Câu 138 : Trật khớp không nắn được là:

A. Trật khớp có tổn thương mạch máu và thần kinh

C. Mảnh xương, bao khớp chèn vào giữa 2 mặt khớp

B. Nắn vào khớp nhưng dễ bị trật lại

D. Mặt khớp không di lệch hoàn toàn

Câu 139 : U xơ tiền liệt tuyến là bướu phát sinh ở:

A. Phần quanh niệu đạo trên lối tinh

C. Phần chủ mô tiền liệt tuyến quanh rãnh giữa

B. Phần chủ mô tiền liệt tuyến ở thùy phải

D. Phần chủ mô tiền liệt tuyến sát vỏ

Câu 140 : Diễn biến viêm ruột thừa sẽ dẫn đến:

A. Tự khỏi

C. Ung thư ruột thừa

B. Vỡ mũ gây viêm phúc mạc

D. Viêm đại tràng

Câu 141 : Đây là đặc điểm của hội chứng dưới chỗ tổn thương giai đoạn tiến triển trong chèn ép tủy đoạn thắt lưng, NGOẠI TRỪ:

A. Đa động xương bánh chè

C. Phản xạ gân xương tăng

B. Liệt cứng hai chi dưới

D. Babinski âm tính cả hai bên

Câu 142 : Đây là những triệu chứng trong tràn khí màng phổi, NGOẠI TRỪ:

A. Rung thanh giảm

C. Gõ vang bên tổn thương

B. Rì rào phế nang giảm

D. Sốc mất máu

Câu 143 : Chẩn đoán thoát vị bẹn cần dựa vào:

A. Thăm khám lâm sàng

C. Chụp cắt lớp

B. Siêu âm

D. X quang

Câu 144 : Biến chứng sớm của hậu môn nhân tạo:

A. Sa niêm mạc đại tràng

C. Tụt hậu môn nhân tạo vào ổ bụng

B. Teo miệng đại tràng đưa ra

D. Chảy máu niêm mạc đại tràng đưa ra

Câu 145 : Thời gian đánh giá sau dùng thuốc điều trị hẹp bao quy đầu:

A. 3 tháng

C. 2 tháng

B. 1 tháng

D. 4 tháng

Câu 146 : Đây là đặc điểm của phù não, NGOẠI TRỪ:

A. Được chia làm 2 loại chính

C. Làm tăng áp lực nội sọ

B. Gây tăng thể tích não

D. Tổn thương đơn giản nhất

Câu 147 : Để phát hiện ổ nhiễm trùng trong cơ thể người bệnh nên làm:

A. Xét nghiệm máu

C. Xét nghiệm nước tiểu

B. Lấy mủ xét nghiệm

D. X quang tim phổi

Câu 148 : Điều nào SAI khi sơ cứu trật khớp:

A. Giảm đau bằng phong bế Novocain 1% tại chỗ

C. Nắn chỉnh khớp lại

B. Bất động trong tư thế trật khớp

D. Giảm đau toàn thân bằng Morphin, Dolargan

Câu 149 : Dấu hiệu điển hình của chèn ép khoang là:

A. Đau vùng bó bột

C. Sưng nề vùng bó bột

B. Tê phía dưới vùng bó bột

D. Cử động bất thường

Câu 150 : Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng nào KHÔNG GẶP trong xuất huyết nội:

A. Bụng chướng

C. Siêu âm bụng có nhiều dịch tự do

B. Gõ vang

D. Thăm cùng đồ Douglas thấy phòng và đau

Câu 151 : Sau mổ hệ tiết niệu thời gian rút ống dẫn lưu để ngừa bệnh khi:

A. Bệnh nhân không sốt

C. Bệnh nhân có nhu động ruột

B. Hết hoặc còn ít dịch

D. Dịch ra không có máu

Câu 152 : Gãy xương cánh tay thường do:

A. Té ngã nghiêng một bên

C. Dùng thuốc kháng viêm quá nhiều

B. Ngã chống tay

D. Dùng thuốc Corticoid

Câu 153 : Bầm tím dưới da quanh hố mắt (mắt đeo kính râm) là dấu hiệu của vỡ:

A. Xương đá

C. Xoang trán

B. Xoang sàng

D. Tầng trước nền sọ

Câu 154 : Đây là đặc điểm của hội chứng dưới chỗ tổn thương giai đoạn đầu trong chèn ép tủy đoạn thắt lưng, NGOẠI TRỪ:

A. Liệt cứng 2 chi dưới

C. Dấu hiệu Babinski dương tính

B. Chân mỗi khi đi găng sức

D. Phản xạ gân xương giảm

Câu 155 : Sau tai nạn, nạn nhân hôn mê, thở khò khè, sưng biến dạng mắt, rách da đầu, biến dạng đùi phải Xử trí ưu tiên khi cấp cứu:

A. Lập đường truyền tĩnh mạch

C. Bất động gãy xương

B. Thở oxy

D. Đặt nội khí quản

Câu 156 : Vấn đề quan trọng nhất khi nhận định tình trạng người bệnh viêm phúc mạc là:

A. Bụng chướng

C. Đau khu trú hay toàn thể

B. Suy kiệt

D. Vết mặt hốc hác

Câu 157 : Người bệnh bong gân được bất động bằng:

A. Nẹp gỗ

C. Băng thun

B. Nằm yên

D. Bó bột

Câu 158 : Tổn thương nào do gãy cột sống do dồn ép:

A. Phần trước thân đốt sống bị dồn ép thành hình B.

B. Thân đốt sống bị vỡ toát từ trước ra sau

chêm

C. Gãy các gai đốt sống đơn thuần

D. Gãy thân đốt sống không có gập góc ống sống

Câu 159 : Triệu chứng đau của sỏi đường niệu thường xuất hiện khi:

A. Đói

B. Lao động nặng

C. No

D. Nằm nghỉ

Câu 160 : Hội chứng chèn ép khoang thường gặp nhất ở:

A. Đùi

B. Cẳng tay

C. Cánh tay

D. Cẳng chân

Câu 161 : Phương pháp điều trị tắc ruột:

A. Theo dõi, mổ cấp cứu

B. Theo dõi, truyền dịch

C. Hồi sức dùng kháng sinh

D. Điều trị nội khoa

Câu 162 : Biến chứng của tràn máu hoặc tràn khí màng phổi:

A. Viêm mủ màng phổi

B. Dày dính màng phổi

C. A và B đúng

D. A và B sai

Câu 163 : Nạn nhân bị tai nạn giao thông bất tỉnh đã tỉnh lại, phim sọ nứt xương thái dương trán, cần theo dõi:

A. Phản xạ ánh sáng

B. Dấu thần kinh khu trú, dấu hiệu sinh tồn, Glasgow

C. Mắt, khoảng tỉnh, vận động

D. Đồng tử, mức độ hôn mê

Câu 164 : Biến chứng thường gặp sau phẫu thuật thủng dạ dày cấp:

A. Dính ruột

B. Viêm phúc mạc

C. Loét dạ dày

D. Hẹp môn vị

Câu 165 : Triệu chứng nào không có trong gãy xương ức:

A. Khó thở

B. Ấn đau chói

C. Lục cục khi hít thở

D. Mảng sườn di động

Câu 166 : Sau mổ dẫn lưu màng phổi mà người bệnh khó thở tím tái điều dưỡng viên phải:

A. Cho thở oxy và báo bác sỹ

B. Cho nằm đầu thấp

C. Tiêm thuốc trợ hô hấp

D. Bơm rửa ống dẫn lưu

Câu 167 : Khớp thường bị bong gân nhất là:

A. Gối

B. Cổ tay

C. Cổ chân

D. Bàn chân

Câu 168 : Sau mổ trĩ, mét trong ống hậu môn được rút sau:

A. 72 giờ

B. 5 ngày

C. 24 – 48 giờ

D. 4 ngày

Câu 169 : Dấu óc ách lúc đói của hẹp môn vị:

A. Thịnh thoảng mới gặp

B. Rất hiếm gặp

C. Khi bệnh nhân ăn no

D. Thường xuyên

Câu 170 : Tất cả các trường hợp chấn thương màng phổi đều có nguy cơ:

A. Thiếu oxy trong máu

B. Tử vong

C. Phù phổi cấp

D. Tràn dịch màng phổi

Câu 171 : Lòng ruột cấp là hiện tượng:

A. Khúc ruột trên bọc lấy khúc ruột liền sau đó

B. Khúc ruột liền sau chui vào lòng khúc ruột trên

C. Khúc ruột trên chui vào lòng khúc ruột liền sau đó

D. Cả 3 câu trên đều đúng

Câu 172 : Đây là những trường hợp có chỉ định mổ cấp cứu, NGOẠI TRỪ:

A. Viêm ruột thừa cấp

B. Viêm tụy cấp

C. Thủng dạ dày

D. Thai ngoài tử cung dọa vỡ

Câu 173 : Đặc điểm giải phẫu của u xơ tiền liệt tuyến:

A. Mô sợi chiếm tỉ lệ cao

B. Chỉ gồm mô sợi

C. Bướu ác

D. Phát triển ở 1 thùy

Câu 174 : Biến chứng sỏi ống mật chủ, NGOẠI TRỪ:

A. Ung thư đường mật

B. Nhiễm trùng đường mật

C. Viêm tụy cấp

D. Xơ gan

Câu 175 : Giai đoạn đầu của hẹp môn vị thường đau:

A. Không đau

B. Trước bữa ăn

- C. Rất nhiều** **D. Sau bữa ăn**
- Câu 176 :** Phân loại theo thời gian, nhóm trật khớp đến sớm khi:
A. Trong vòng 48 giờ **B. Từ 2 ngày – 2 tuần**
C. Từ 2 ngày – 3 tuần **D. Từ 4 tuần trở lên**
- Câu 177 :** Biện pháp điều trị cơ bản áp xe nóng ở giai đoạn tụ mủ là:
A. Truyền dịch **B. Rửa tháo mủ**
C. Thuốc giảm đau **D. Kháng sinh**
- Câu 178 :** Nghi đến vết thương sọ não hở khi vết thương đầu có kèm theo:
A. Máu tụ vùng chẩm **B. Máu tụ quanh hố mắt**
C. Chảy máu tai **D. Chảy dịch não tủy**
- Câu 179 :** Sau mổ viêm ruột thừa không có biến chứng nếu không nôn có thể cho người bệnh uống nước sau:
A. 8 – 10 giờ **B. 4 – 6 giờ**
C. 6 – 8 giờ **D. 10 – 12 giờ**
- Câu 180 :** Tổn thương cột sống cổ có liệt tủy:
A. Liệt 2 chi dưới **B. Mất cảm giác tầng sinh môn và chi dưới**
C. Mất cảm giác thành bụng và ngang rốn **D. Liệt toàn thân**
- Câu 181 :** Sau phẫu thuật người bệnh có thể bị kích thích vật vã do:
A. Không quen nằm lâu **B. Do đau đớn, thiếu oxy, do nằm lâu**
C. Phẫu thuật lâu **D. Người già, suy dinh dưỡng**
- Câu 182 :** Đây là những hạn chế của nội soi trong ung thư dạ dày, NGOẠI TRỪ:
A. Tổn thương ở đáy vị **B. Tổn thương nông dạng viêm xước niêm mạc**
C. Ung thư ở nhiều vị trí **D. Chống chỉ định trong nghi ngờ thủng ung thư dạ dày**
- Câu 183 :** Các yếu tố thuận lợi gây ung thư đại tràng, NGOẠI TRỪ:
A. Túi thừa đại tràng **B. Chế độ ăn có nhiều chất mỡ**
C. Viêm loét đại tràng xuất huyết **D. Pôlip đại tràng**
- Câu 184 :** Phù não thường xảy ra vào thời gian nào sau chấn thương:
A. Ngày 5 – 6 **B. Giờ 5 – 6**
C. Giờ 2 – 3 **D. Ngày 2 – 3**
- Câu 185 :** Triệu chứng điển hình trong tắc ruột:
A. Bí trung đại tiện **B. Đau liên tục**
C. Bụng gồng cứng **D. Bụng chướng**
- Câu 186 :** Cận lâm sàng nào giúp cho biết chính xác về độ sâu của sự xâm lấn qua thành dạ dày:
A. Soi ổ bụng **B. Nội soi**
C. Chụp thực quản - dạ dày – tá tràng cản quang **D. Siêu âm qua nội soi**
- Câu 187 :** Nguyên nhân thường gặp gây viêm ruột thừa cấp là:
A. Hạt chanh **B. Hạt thanh long**
C. Giun móc **D. Táo bón**
- Câu 188 :** Nguyên tắc quan trọng nhất khi xử trí chín mé:
A. Tháo khớp ngón tay **B. Dùng kháng sinh**
C. Dùng kháng viêm **D. Băng cố định**
- Câu 189 :** Lòng ruột cấp tính ở trẻ nữ nhi thường gặp nhất trong độ tuổi:
A. 8 – 12 tháng tuổi **B. 4 tháng – 2 tuổi**
C. 4 – 8 tháng tuổi **D. 4 – 12 tháng tuổi**
- Câu 190 :** Đây là những triệu chứng tắc mạch máu do mỡ theo Peltier, NGOẠI TRỪ:
A. Thở nhanh, khó thở, tiết nhiều đờm giải **B. Lo lắng, mê sảng**
C. Đốm xuất huyết kết mạc, họng, dưới da **D. Tiểu cầu > 300000/mm³**
- Câu 191 :** Triệu chứng nào là triệu chứng không chắc chắn của gãy xương:
A. Biến dạng chi **B. Tiếng lạo xạo xương gãy**
C. Cử động bất thường **D. Giảm hoặc mất cơ năng chi gãy**
- Câu 192 :** Chẩn đoán xác định ung thư đại tràng dựa vào:
A. CT Scanner đại tràng **B. Chụp khung đại tràng có cản quang**
C. Nội soi đại tràng có sinh thiết **D. MRI đại tràng**
- Câu 193 :** Một trong các dấu hiệu sớm nhất của sốc là:

A. Tụt huyết áp

C. Không có nước tiểu

B. Nhịp tim nhanh

D. Thở nhanh nông

Câu 194 : Bệnh nhân nữ, đau hạ vị 2 ngày, đầu chi lạnh, bụng chướng, ấn đau khắp bụng, chẩn đoán:

A. Võ gan

C. Võ dạ dày

B. Võ thai ngoài tử cung

D. Võ ruột non

Câu 195 : Vai trò của chụp thực quản – dạ dày – tá tràng cản quang:

A. Xác định độ sâu của xâm lấn

C. Xác định di căn các tạng trong ổ bụng

B. Theo dõi tái phát tại chỗ

D. Tình trạng hẹp môn vị

Câu 196 : Hình ảnh X quang điển hình giúp chẩn đoán ung thư đại tràng là:

A. Hẹp, cắt cụt, hình khuyết

C. Liềm hơi dưới cơ hoành

B. Hình dạng bông cải

D. Mức nước hơi phân tầng

Câu 197 : Mục đích của phẫu thuật xương:

A. Sửa nắn di lệch tốt

C. Giúp người bệnh tập vận động thụ động

B. Giảm đau, giảm sưng nơi gãy

D. Sửa nắn nơi gãy tốt

Câu 198 : Dạng trật khớp nào sau đây KHÔNG thuộc phân loại theo giải phẫu:

A. Bán trật khớp

C. Trật khớp kèm biến chứng

B. Gãy trật khớp

D. Trật khớp hoàn toàn

Câu 199 : Trường hợp nào sau đây KHÔNG làm hậu môn nhân tạo:

A. Vết thương hồng tràng

C. Vết thương đại tràng

B. Vết thương trực tràng

D. Vết thương đại tràng xích ma

Câu 200 : Trong lồng ruột cấp ở trẻ nhũ nhi, tỷ lệ mắc bệnh giữa 2 giới:

A. Trẻ em trai nhiều hơn trẻ em gái

C. Trẻ em trai bằng trẻ em gái

B. Trẻ em trai ít hơn trẻ em gái

D. Cả 3 câu trên đều sai

Câu 201 : Để biết rõ tư thế trật khớp và tổn thương phối hợp, cần chụp X quang khớp:

A. Tư thế thẳng

C. Cả A, B đều đúng

B. Tư thế nghiêng

D. Cả A, B đều sai

Câu 202 : Giai đoạn cuối của hẹp môn vị so sánh với giai đoạn đầu thường thấy:

A. Nôn nhiều lần hơn

C. Đau liên tục và đau nặng hơn

B. Dạ dày tăng nhu động

D. Đau liên tục nhưng nhẹ hơn

Câu 203 : Chấn thương sọ não kín là chấn thương mà:

A. Da đầu không bị rách

C. Khoang dưới nhện không thông với môi trường bên ngoài

B. Xương sọ không bị vỡ

D. Không thấy tổ chức não phòi ra ngoài

Câu 204 : Bong gân thường gặp ở:

A. Trẻ em

C. Thanh thiếu niên

B. Phụ nữ mang thai

D. Người già

Câu 205 : Vị trí đau thường gặp của sỏi mật:

A. Hạ sườn phải

C. Mạn sườn trái

B. Thượng vị

D. Quanh rốn

Câu 206 : Khi thăm trực tràng trong lồng ruột cấp tính ở trẻ nhũ nhi, ta thường thấy:

A. Trực tràng đầy phân

C. A và B đúng

B. Máu theo găng

D. A và B sai

Câu 207 : Dấu hiệu chứng tỏ ung thư dạ dày đang tiến triển:

A. Nuốt khó

C. Thiếu máu

B. Hẹp môn vị

D. Hạch thượng đòn trái

Câu 208 : Sỏi thận được chỉ định điều trị nội khoa trong trường hợp:

A. Sỏi nhỏ, di chuyển

C. Sỏi lớn, cứng

B. Sỏi san hô

D. Tất cả các loại sỏi

Câu 209 : Triệu chứng đặc hiệu của sỏi bàng quang:

A. Tiểu không thành tia

C. Tiểu mù, tiểu hồng cầu

B. Tiểu, buốt, gắt, ra máu

D. Tiểu lắt nhắt nhiều lần

Câu 210 : Triệu chứng chắc chắn của gãy xương:

A. Sưng nề, bầm tím vùng gãy xương

C. Giảm hoặc mất cơ năng chi gãy

B. Đau ngay sau khi bị chấn thương

D. Biến dạng trực chi

Câu 211 : Rút ống thông mũi dạ dày ở người bệnh phẫu thuật bụng khi:

- A.** Hết dịch
- B.** Có trung tiện
- C.** Khó chịu
- D.** Sốt cao

Câu 212 : Đây là đặc điểm của gãy cột sống do ưỡn ngửa ra sau, NGOẠI TRỪ:

- A.** Thường gây tử vong
- B.** Các dây chằng bị đứt
- C.** Thân đốt bị vỡ toác từ trước ra sau
- D.** Đốt sống dễ trượt ra phía sau

Câu 213 : Đây là đặc điểm của máu tụ dưới màng cứng bán cấp, NGOẠI TRỪ:

- A.** Có thể khỏi hoàn toàn sau mổ
- B.** Liệt 1/2 người
- C.** Phù gai thị
- D.** Người bệnh mê nhanh sau chấn thương

Câu 214 : Triệu chứng đi tiêu ra máu gặp trong các bệnh sau, NGOẠI TRỪ:

- A.** Ung thư đại tràng
- B.** Lao hồi manh tràng
- C.** Lỵ amip
- D.** Pôlip đại tràng

Câu 215 : Phân loại trật khớp dựa vào:

- A.** Thời gian
- B.** Giải phẫu
- C.** Lâm sàng
- D.** A, B, C đúng

Câu 216 : Biến chứng của trật khớp:

- A.** Tổn thương phần mềm
- B.** Tổn thương mạch máu thần kinh
- C.** Tổn thương đầu xương
- D.** A, B, C đúng

Câu 217 : Phân loại trật khớp chấn thương, nhóm cấp cứu là:

- A.** Trong vài giờ đầu
- B.** Trong vòng 24 giờ
- C.** Trong vòng 48 giờ
- D.** Trong tuần đầu

Câu 218 : Người bệnh chấn thương bụng, sờ dẫn, niêm nhợt, bụng chướng, ấn đau hạ sườn phải, nghĩ đến:

- A.** Vỡ ruột non
- B.** Vỡ gan
- C.** Vỡ lách
- D.** Vỡ bàng quang

Câu 219 : Triệu chứng cơ năng nào KHÔNG GẶP trong xuất huyết nội:

- A.** Đau khắp bụng
- B.** Đau bụng lan lên vai
- C.** Da xanh, niêm nhợt
- D.** Nôn ói

Câu 220 : Biến chứng của bệnh hẹp bao quy đầu, NGOẠI TRỪ:

- A.** Viêm tinh hoàn
- B.** Nhiễm trùng tiểu
- C.** Tiểu khó
- D.** Tăng nguy cơ ung thư dương vật

Câu 221 : Chín mé có viêm khớp thuộc loại:

- A.** Chín mé xương
- B.** Chín mé nông
- C.** Chín mé nhiễm khuẩn nặng
- D.** Chín mé dưới da

Câu 222 : Tính chất của mụn trong áp xe lạnh là:

- A.** Mủ trắng loãng
- B.** Mủ giống chất bã đậu
- C.** Mủ vàng đặc
- D.** Mủ màu sôcôla

Câu 223 : Trước phẫu thuật tắc ruột cần:

- A.** Cho người bệnh thở oxy
- B.** Theo dõi lượng nước xuất nhập
- C.** Truyền dịch và tiêm kháng sinh
- D.** Lấy dấu sinh hiệu

Câu 224 : Sỏi sắc tố có đặc điểm:

- A.** Là sỏi của bệnh lí nhiễm trùng
- B.** Tập trung ở túi mật
- C.** Sỏi to đơn độc
- D.** Chứa nhiều cholesterol

Câu 225 : Nghĩ đến gãy xương hở khi:

- A.** Đầu xương gãy chọc ra ngoài
- B.** Máu chảy từ ổ gãy không đông hoặc có váng mỡ
- C.** A và B đúng
- D.** A và B sai

Câu 226 : Điểm nào sau đây SAI trong trật khớp khuỷu:

- A.** Khuỷu nhô hẳn ra phía sau
- B.** Khuỷu gấp 50 - 60° cẳng tay hơi sấp
- C.** Đầu dưới xương cánh tay gờ ra sau
- D.** Tam giác Hunter đảo ngược

Câu 227 : Siêu âm trong ung thư đại tràng có các giá trị sau, NGOẠI TRỪ:

- A.** Xác định vị trí, kích thước khối u
- B.** Tình trạng dịch trong ổ bụng
- C.** Bản chất mô học của khối u
- D.** Di căn đến các tạng khác

Câu 228 : Ống dẫn lưu tràn máu màng phổi được đặt ở:

- A.** Liên sườn 2 đường nách trước
- B.** Liên sườn 4-6 đường nách giữa
- C.** Liên sườn 2 đường nách giữa
- D.** Liên sườn 4-6 đường trung đòn

Câu 229 : Chỉ định làm hậu môn nhân tạo khi:

- A.** Vết thương đại tràng do hỏa khí, bạch khí
- B.** Tắc ruột do u đại tràng
- C.** Hoại tử đại tràng do bệnh lý đại tràng
- D.** Tất cả các bệnh trên

Câu 230 : Để dự phòng tắc mạch máu do mỡ cần phải:

- A.** Gây tê ổ gãy và bất động xương sớm
- B.** Điều trị và khắc phục sớm sốc chấn thương
- C.** A và B đúng
- D.** A và B sai

Câu 231 : Thứ tự biểu hiện các triệu chứng ở giai đoạn đầu của đình nhọt:

- A.** Sưng, đau, nóng đỏ
- B.** Sưng, nóng, đỏ, đau
- C.** Đau, đỏ, sưng, nóng
- D.** Đau, sưng, đỏ, nóng

Câu 232 : Tắc ruột do nút thường do những nguyên nhân sau, NGOẠI TRỪ:

- A.** Giun kim
- B.** Do u trong lòng ruột
- C.** Giun đũa
- D.** Bã thức ăn

Câu 233 : Chiều lồng ruột thường là:

- A.** Nghịch chiều nhu động ruột
- B.** Tùy ruột non hay ruột già mà có chiều khác nhau
- C.** Theo chiều nhu động ruột
- D.** Không nhất định theo chiều nào

Câu 234 : Điều nào sau đây KHÔNG ĐÚNG trong điều trị gãy xương sườn:

- A.** Băng keo bản rộng 4-5cm
- B.** Băng trong lúc hít vào
- C.** Băng từ dưới lên theo kiểu lợp mái nhà
- D.** Hút máu ở vết thương mỗi 15 phút

Câu 235 : Dạng trật khớp nào thuộc phân loại theo mức độ tái phát:

- A.** Trật khớp kèm biến chứng
- B.** Trật khớp hoàn toàn
- C.** Trật khớp tái diễn
- D.** Gãy trật khớp

Câu 236 : Thời gian đóng hậu môn nhân tạo tạm thời sau khi được mở là:

- A.** 2 - 4 tuần
- B.** 2 - 3 tháng
- C.** 4 - 6 tuần
- D.** 3 - 6 tháng

Câu 237 : Nguyên tắc điều trị dò cạnh hậu môn:

- A.** Phẫu thuật khoét lỗ dò, kháng sinh
- B.** Cắt đứt cơ thắt hậu môn, mở đường dò
- C.** Dùng thuốc đặt hậu môn
- D.** Chọc hút mủ, kháng sinh toàn thân

Câu 238 : Bệnh nhân bị trật khớp háng có háng khép, xoay trong, gối gấp nhiều là trật khớp háng:

- A.** Ra sau lên trên
- B.** Ra trước xuống dưới
- C.** Ra sau xuống dưới
- D.** Ra trước lên trên

Câu 239 : Để ngừa phân thấm vào trong ổ bụng nên quấn quanh chân hậu môn nhân tạo:

- A.** Gạc vaseline
- B.** Gạc pomade tetracyclin
- C.** Gạc cortibion
- D.** Gạc Betadine

Câu 240 : Tổn thương nào do gãy cột sống do ưỡn ngửa ra sau:

- A.** Gãy thân đốt sống không có gập góc ống sống
- B.** Gãy các gai đốt sống đơn thuần
- C.** Phần trước thân đốt sống bị dồn ép thành hình chêm
- D.** Thân đốt sống bị vỡ toát từ trước ra sau

Câu 241 : Yếu tố thuận lợi gây sỏi mật, NGOẠI TRỪ:

- A.** Tuổi càng trẻ càng dễ bị
- B.** Béo phì
- C.** Mang thai
- D.** Đái tháo đường

Câu 242 : Thời gian mỗi lần ngâm hậu môn bằng nước ấm là:

- A.** 10 phút
- B.** 15 phút
- C.** 7 phút
- D.** 3 phút

Câu 243 : Khớp giả là tình trạng:

- A.** Khớp xương bị cứng và teo cơ
- B.** Nơi gãy xương bị thông với bên ngoài
- C.** Chi gãy xương mất vận động do tổn thương thần kinh
- D.** Nơi gãy xương không có can xương

Câu 244 : Điều trị bong gân độ II:

- A.** Điều trị phẫu thuật
- B.** Điều trị bảo tồn
- C.** Tập vận động lại sau 6 – 8 tuần
- D.** Cả A, B, C đều sai

Câu 245 : Nguyên nhân gây vỡ bàng quang thường gặp nhất:

- A.** Chấn thương hạ vị khi bàng quang căng đầy
- B.** Bàng quang có điểm yếu từ trước
- C.** Bàng quang bị đâm thủng
- D.** Bàng quang bị xé rách

Câu 246 : Ống dẫn lưu phòng ngừa được rút sau mổ viêm phúc mạc khoảng:

A. 48 giờ

C. 72 giờ

B. 24 giờ

D. 4 ngày

Câu 247 : Hẹp môn vị kèm dấu hiệu “phì đại hạch thượng đòn trái ” là do:

A. Loét dạ dày tá tràng

C. Hẹp môn vị phì đại

B. U đầu tụy

D. Ung thư hang môn vị

Câu 248 : Tắc ruột do thắt thường do những nguyên nhân sau, NGOẠI TRỪ:

A. Đau dây chằng

C. Xoắn ruột

B. Lòng ruột cấp

D. Thoát vị bẹn thắt

Câu 249 : Hiện nay, điều trị chủ yếu của ung thư dạ dày là:

A. Xạ trị liệu

C. Miễn dịch trị liệu

B. Hóa trị liệu

D. Phẫu thuật

Câu 250 : Đặc điểm giải phẫu của u xơ tiền liệt tuyến:

A. Mô sợi chiếm tỉ lệ cao nhất

C. Phát triển ở một thùy

B. Bướu ác

D. Mô sợi ít

Câu 251 : Việc cần làm cho người bệnh phẫu thuật chương trình, tối hôm trước phẫu thuật:

A. Uống nước đường

C. Uống vitamin

B. Uống thuốc an thần

D. Uống thuốc giảm đau

Câu 252 : Trong ung thư đại tràng, có khoảng bệnh nhân có đau bụng

A. 100 %

C. 75 %

B. 50 %

D. 25 %

Câu 253 : Hình ảnh X quang điển hình giúp chẩn đoán tắc ruột là:

A. Mức nước hơi phân tầng

C. Hẹp, cắt cụt, hình khuyết

B. Liềm hơi dưới cơ hoành

D. Hình dạng bông cải

Câu 254 : Nguyên nhân ung thư đại tràng có liên quan chế độ ăn:

A. Nhiều mỡ và nhiều chất sợi thực vật

C. Nhiều mỡ và ít chất sợi thực vật

B. Ít mỡ và ít chất sợi thực vật

D. Ít mỡ và nhiều chất sợi thực vật

Câu 255 : Dấu hiệu gợi ý biến chứng mạch máu thần kinh trong phẫu thuật kết hợp xương:

A. Sốc, mạch chậm

C. Sốc, đau buốt

B. Đau, liệt, tê, tím tái, mạch yếu

D. Truyền dịch

Câu 256 : Biến chứng chảy máu sau mổ u xơ tuyến tiền liệt thường xuất hiện trong khoảng:

A. 5 ngày

C. 24 giờ đầu

B. 72 giờ

D. 48 giờ

Câu 257 : Sỏi axit uric gặp ở bệnh nhân:

A. Thống phong

C. Thiếu vitamin B6

B. Cường tuyến cận giáp

D. Ăn nhiều su hào

Câu 258 : Đây là triệu chứng trật khớp vai ra trước, NGOẠI TRỪ:

A. Cánh tay ở tư thế dạng xoay ngoài

C. Tam giác Hunter đảo ngược

B. Mất rãnh delta ngực

D. Dấu hiệu nhất rìu

Câu 259 : Đau bụng trong viêm phúc mạc có tính chất:

A. Cơn đau làm bệnh nhân lăn lộn, rên la

C. Đau từng cơn, giảm khi nôn ói

B. Đau liên tục, không dám cử động

D. Đau quặn bụng liên tục, tiêu đàm nhớt

Câu 260 : Vị trí của tổn thương ung thư hay gặp nhiều nhất ở đại trực tràng:

A. Chậu hông và trực tràng

C. Đại tràng ngang

B. Góc gan, góc lách

D. Lên và xuống

Câu 261 : Trong phương pháp kéo liên tục đối với chi dưới, trọng lượng tạ là:

A. 1/14 – 1/10 trọng lượng cơ thể

C. 1/10 – 1/8 trọng lượng cơ thể

B. 2 – 2,5 kg

D. 1/8 – 1/6 trọng lượng cơ thể

Câu 262 : Triệu chứng đi tiêu ra máu trong ung thư đại tràng:

A. Tiêu ra máu đỏ tươi

C. Thường kèm thiếu máu

B. Đi cầu phân đen

D. Tất cả đúng

Câu 263 : Triệu chứng trong viêm phúc mạc, NGOẠI TRỪ:

A. Tiểu nhiều, nước tiểu sẫm màu

C. Sốt cao 38° – 39°C

B. Bạch cầu tăng rất cao

D. Bí trung đại tiện

Câu 264 : Biến chứng thường gặp nhất của ung thư đại tràng:

A. Viêm phúc mạc

C. Tắc ruột

B. Áp xe

D. Nhiễm trùng khối u

Câu 265 : Đây là những triệu chứng báo hiệu có tổn thương thận, NGOẠI TRỪ:

A. Đái gắt buốt, bí đái

C. Đái ra máu

B. Hồ thất lưng đầy và đau

D. Bệnh nhân bị chấn thương vùng hông lưng

Câu 266 : Xử trí vết thương lồng ngực tại tuyến cơ sở:

A. Mở khí quản, truyền dịch

C. Thở oxy, thay băng vết thương

B. Băng nhồi lỗ thủng, chuyển đi tuyến trên

D. Hút đàm, dùng kháng sinh

Câu 267 : Đây là những dấu hiệu của hội chứng ba giảm trong tràn máu màng phổi, NGOẠI TRỪ:

A. Rung thanh giảm

C. Rì rào phế nang giảm

B. Đau ngực

D. Gõ đục

Câu 268 : Chỉ định điều trị ngoại khoa đối với sỏi hệ niệu:

A. Sỏi gây ứ nước thận độ III, IV

C. Sỏi nhỏ di chuyển

B. Sỏi san hô

D. Sỏi bùn

Câu 269 : Biến chứng thường gặp sau sỏi ống mật chủ là:

A. Chảy máu đường mật

C. Nhiễm trùng

B. Viêm phúc mạc

D. Tắc ruột sau phẫu thuật

Câu 270 : Phẫu thuật đặt lại khớp khi:

A. Trật khớp kèm gãy xương

C. Trật khớp đến muôn

B. Có tổn thương phần mềm

D. A, B, C đúng

Câu 271 : Vị trí ổ loét ở dạ dày thường gặp, gây thủng dạ dày cấp:

A. Tá tràng

C. Thân vị

B. Bờ cong lớn

D. Bờ cong nhỏ

Câu 272 : Đây là những yếu tố nguy cơ gây sỏi đường niệu, NGOẠI TRỪ:

A. Suy giáp

C. Dùng nhiều sinh tố D

B. Khối u tân sinh

D. Bất động lâu ngày

Câu 273 : Đây là những đặc điểm của sỏi niệu quản, NGOẠI TRỪ:

A. Hình thành tại niệu quản

C. Thường gặp ở nữ giới hơn nam giới

B. Gây cơn đau bão thận

D. Gây ứ nước thận

Câu 274 : Ống dẫn lưu tràn khí màng phổi được đặt ở:

A. Liên sườn 4-6 đường nách giữa

C. Liên sườn 4-6 đường trung đòn

B. Liên sườn 2 đường nách trước

D. Liên sườn 2 đường nách giữa

Câu 275 : Trong ung thư đại tràng, có thể sờ được khối u ở:

A. Hồ chậu phải

C. Thượng vị

B. Hồ chậu trái

D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 276 : Chấn thương sọ não do lực đập vào:

A. Hộp sọ

C. Vai

B. Cổ

D. Gáy

Câu 277 : Rối loạn tiểu tiện điển hình bệnh u xơ tiền liệt tuyến là:

A. Tiểu máu

C. Tiểu buốt

B. Tiểu đêm

D. Tiểu khó

Câu 278 : Trước phẫu thuật chấn thương sọ não điều dưỡng nên rửa vết thương bằng dung dịch:

A. Cồn

C. Thuốc đỏ

B. Nước muối sinh lý

D. Iode

Câu 279 : Chỉ định làm hậu môn nhân tạo:

A. Ung thư đại tràng

C. Viêm đại tràng

B. Viêm ruột

D. Bán tắc ruột

Câu 280 : Sau phẫu thuật 2-3 ngày, dấu hiệu sắp có trung tiện là:

A. Đau bụng lâm râm vùng thượng vị

C. Sốt nhẹ và buồn nôn

B. Đau bụng từng cơn

D. Đau bụng và sốt

Câu 281 : Đây là những nguyên nhân gây gãy cột sống gián tiếp, NGOẠI TRỪ:

A. Gãy do gập góc ra trước

C. Gãy do ưỡn ngửa ra sau

B. Gãy do dồn ép

D. Gãy do tác động mạnh lên phía sau

Câu 282 : ①Tủy tự động - ②Tăng phản xạ gân xương - ③Sốc tủy - ④Suy kiệt. Sắp xếp thứ tự đúng các giai đoạn

của gãy cột sống có liệt tủy không hồi phục:

A. ③ ② ① ④

C. ③ ④ ① ②

B. ③ ① ④ ②

D. ③ ① ② ④

Câu 283 : Sỏi to cứng chiếm hết toàn bộ bể thận có tên gọi là:

A. Sỏi san hô

C. Sỏi đài thận

B. Sỏi niệu quản

D. Sỏi bể thận

Câu 284 : Đây là triệu chứng của trật khớp, NGOẠI TRỪ:

A. Ổ khớp rỗng, sờ thấy đầu xương ở vị trí bất thường

C. Xương biến dạng

B. Cử động lò xo

D. Khớp biến dạng

Câu 285 : Chuẩn bị người bệnh cắt u đại tràng:

A. Không cần thụt tháo

C. Thụt giữ

B. Thụt tháo tối hôm trước và sáng hôm sau

D. Thụt tháo 01 tuần trước phẫu thuật

Câu 286 : Triệu chứng chính trong trật khớp:

A. Tay lạnh đỡ tay đau do sưng nề

C. Mất cử động hoàn toàn

B. Biến dạng ổ khớp, bầm tím, hõm khớp rỗng

D. Chi bệnh ngắn hơn chi lành

Câu 287 : Khi nghi ngờ viêm ruột thừa người Y sỹ cần làm:

A. Theo dõi, chuyển lên tuyến trên

C. Lấy dấu sinh hiệu, theo dõi tiếp tục

B. Theo dõi, tiêm thuốc giảm đau

D. Tiêm kháng sinh, thuốc giảm đau

Câu 288 : Đây là đặc điểm của viêm bao khớp vô trùng, NGOẠI TRỪ:

A. Do bong gân điều trị không đúng quy cách

C. Không đau nhức khó chịu

B. Bao khớp sưng nề kéo dài

D. Hạn chế vận động khớp

Câu 289 : Các loại tổn thương trong chấn thương ngực:

A. Tràn máu màng phổi

C. Gãy xương

B. Tràn khí màng phổi

D. A, B, C đúng

Câu 290 : ①Khu trú - ②Loét sùi - ③Trung gian - ④Thâm nhiễm. Ba hình thái đại thể thường gặp của ung thư dạ dày là:

A. ① ② ④

C. ① ② ③

B. ② ③ ④

D. ① ③ ④

Câu 291 : Nguyên nhân thường gặp gây abscess nóng là:

A. Virus

C. Trực khuẩn lao

B. Tụ cầu

D. Nấm

Câu 292 : Trong hẹp môn vị giai đoạn sau khám toàn thân thấy:

A. Xanh, gầy, da khô

C. Cả A và B đúng

B. Mất nước

D. Cả A và B sai

Câu 293 : Siêu âm trong lòng ruột cấp tính có thể thấy:

A. Hình ảnh khối lồng

C. Cả A và B đều đúng

B. Vị trí khối lồng

D. Cả A và B đều sai

Câu 294 : Chống chỉ định của chụp thực quản – dạ dày – tá tràng cản quang khi:

A. Hẹp môn vị

C. Tổn thương ở đáy vị

B. Ung thư ở nhiều vị trí

D. Nghi ngờ thủng ung thư dạ dày

Câu 295 : Phân chia giai đoạn ung thư dạ dày theo CT scan, khi dày thành dạ dày >1cm tại vị trí khối u tương ứng với giai đoạn:

A. 1

C. 3

B. 4

D. 2

Câu 296 : Triệu chứng cơ năng trong bệnh sỏi mật:

A. Co cứng thành bụng, sốt, vàng da

C. Đau thượng vị, lan lên vai

B. Đau hạ sườn phải, sốt, vàng da

D. Đau hố chậu phải, sốt, vàng da

Câu 297 : Sau phẫu thuật chấn thương thận, trong 24 giờ đầu cần theo dõi sát:

A. Tình trạng bụng

C. Nước tiểu

B. Vết mổ

D. Dấu sinh hiệu

Câu 298 : Đây là đặc điểm của gãy cột sống do gập ra phía trước, NGOẠI TRỪ:

A. Phần trước thân đốt sống bị dồn ép thành hình chêm

B. Liệt tủy hoàn toàn hoặc không hoàn toàn

- C.** Phần sau các thân đốt sống toác ra xa
- D.** Đốt sống bị xẹp dễ trượt ra phía trước
- Câu 299 :** Đặc điểm của trật khớp tái diễn:
- A.** Dễ trật lại sau một chấn thương nhẹ
- B.** Hay gặp ở khớp vai, khớp gối
- C.** Cả A và B đúng
- D.** Cả A và B sai
- Câu 300 :** Phương pháp điều trị chính của ung thư đại tràng là:
- A.** Hóa trị liệu + xạ trị liệu
- B.** Phẫu thuật + xạ trị liệu
- C.** Phẫu thuật + hóa trị liệu
- D.** Phẫu thuật + hóa trị liệu + xạ trị liệu
- Câu 301 :** Xử trí chấn thương niệu đạo trước ở tuyến cơ sở:
- A.** Dùng que thăm dò
- B.** Phòng chống sốc
- C.** Truyền dịch
- D.** Giữ lại điều trị
- Câu 302 :** Thuốc bôi sử dụng trong điều trị hẹp bao quy đầu:
- A.** Thuốc bôi chứa steroid
- B.** Ketoconazol
- C.** Millian
- D.** Erythromycin
- Câu 303 :** Những bệnh có nguy cơ cao gây ung thư dạ dày:
- A.** Thiếu máu Biermer
- B.** Polyp dạ dày
- C.** Bệnh Ménetrier
- D.** A, B, C đúng
- Câu 304 :** Đây là các dấu hiệu báo nguy trong chấn thương sọ não trong 24-48 giờ đầu, NGOẠI TRỪ:
- A.** Mạch nhanh nhẹ, huyết áp tụt
- B.** Ngủ mê gọi không dậy
- C.** Chóng mặt hoặc mất thăng bằng
- D.** Nhìn đồ vật thấy một thành hai
- Câu 305 :** Nguyên nhân nào KHÔNG gây viêm phúc mạc:
- A.** Dịch mật
- B.** Dịch phúc mạc
- C.** Dịch tiêu hoá
- D.** Nước tiểu
- Câu 306 :** Ung thư dạ dày thường gặp ở vùng:
- A.** Đáy vị
- B.** Bờ cong lớn
- C.** Tâm vị
- D.** Hang, môn vị
- Câu 307 :** Đây là triệu chứng đau của bong gân, NGOẠI TRỪ:
- A.** Kéo căng diện khớp phía bong gân gây đau chói
- B.** Ấn vào vùng bong gân gây đau chói
- C.** Đau theo 2 thì: tê bì – đau chói
- D.** Đau ở chỗ bám và đường đi của dây chằng
- Câu 308 :** Chỉ định xạ trị liệu trong ung thư dạ dày khi:
- A.** Ung thư tái phát
- B.** Di căn phổi
- C.** A và B đúng
- D.** A và B sai
- Câu 309 :** Trật khớp tái diễn thường gặp ở khớp:
- A.** Đùi, gối
- B.** Hàm, cổ
- C.** Vai, hàm
- D.** Vai, khuỷu
- Câu 310 :** Hình ảnh X quang điển hình giúp chẩn đoán thủng dạ dày cấp là:
- A.** Liềm hơi dưới cơ hoành
- B.** Hẹp, cắt cụt, hình khuyết
- C.** Hình dạng bông cải
- D.** Mức nước hơi phân tầng
- Câu 311 :** Chọc dẫn lưu trong tràn khí màng phổi ở vị trí:
- A.** Khoảng liên sườn V-VI đường nách trước
- B.** Khoảng liên sườn VIII-IX đường nách trước
- C.** Khoảng liên sườn VIII-IX đường nách sau
- D.** Khoảng liên sườn II đường giữa đòn
- Câu 312 :** Triệu chứng của u xơ tiền liệt tuyến:
- A.** Tiểu ra máu cục
- B.** Tiểu khó, tiểu nhiều lần
- C.** Tiểu mủ nhiều
- D.** Mót rặn khi đi tiểu
- Câu 313 :** Bệnh nhân bị mẫn cảm sụn di động, trong sơ cứu cần:
- A.** Dùng thuốc kháng sinh
- B.** Băng ép có độ ở mẫn cảm sụn di động
- C.** Cho nằm đầu thấp
- D.** Dùng thuốc kích thích hô hấp
- Câu 314 :** Hậu môn nhân tạo là phương pháp đưa ... ra để tháo phân thay thế cho hậu môn thật
- A.** Tá tràng hoặc hồi tràng
- B.** Hồi tràng hoặc hồi tràng
- C.** Đại tràng hoặc hồi tràng
- D.** Tá tràng hoặc hồi tràng
- Câu 315 :** Lòng ruột ở trẻ nhũ nhi đến muộn có thể thấy bụng:
- A.** Bình thường
- B.** Lõm lòng thuyền
- C.** Chướng căng
- D.** Báng
- Câu 316 :** Dấu hiệu nào sau đây KHÔNG GẶP trong hội chứng nhiễm trùng:
- A.** Môi khô, lưỡi đỏ
- B.** Tiểu nhiều

- C.** Sốt cao
D. Thở nhanh nông
- Câu 317 :** Chỉ định tháo lồng bằng phẫu thuật trong lồng ruột cấp tính:
A. Đến muộn
B. Tháo lồng bằng hơi thất bại
C. A và B đúng
D. A và B sai
- Câu 318 :** Máu tụ dưới màng cứng do:
A. Đứt động mạch màng não
B. Từ xương vỡ chảy ra
C. Dập não
D. A, B, C đúng
- Câu 319 :** Bệnh nhân khó thở khi có màng sườn di động chủ yếu do:
A. Mất máu
B. Tổn thương phổi
C. Đau ngực
D. Hô hấp đảo ngược
- Câu 320 :** Nguyên nhân gây áp xe lạnh:
A. Vi trùng lao
B. Liên cầu
C. Tụ cầu
D. Trực khuẩn mủ xanh
- Câu 321 :** Không nên thực tháo cho người bệnh viêm ruột thừa trước khi phẫu thuật vì:
A. Gây dò hậu môn
B. Gây thủng ruột thừa
C. Gây chảy máu
D. Gây nhiễm trùng
- Câu 322 :** Phương pháp điều trị viêm ruột thừa là:
A. Không cần điều trị gì
B. Mổ cấp cứu
C. Dùng thuốc kháng sinh
D. Mổ chương trình
- Câu 323 :** Trường hợp sau đây KHÔNG cần làm hậu môn nhân tạo:
A. Vết thương đại tràng
B. Vết thương hồng tràng
C. Vết thương trực tràng
D. Vết thương đại tràng xích ma
- Câu 324 :** Ung thư dạ dày vùng hang, môn vị chiếm tỷ lệ:
A. 10 %
B. 80 %
C. 20 %
D. 60 %
- Câu 325 :** Đây là những yếu tố thuận lợi của lồng ruột ở trẻ nhũ nhi, NGOẠI TRỪ:
A. Liên quan thời tiết
B. Từ 4 - 8 tháng tuổi
C. Thể trạng gầy ốm
D. Có túi thừa Meckel
- Câu 326 :** Triệu chứng thực thể trong viêm phúc mạc:
A. Mất vùng đục trước gan
B. Dấu hiệu rắn bò
C. Thành bụng di động theo nhịp thở
D. Thăm trực tràng âm đạo không đau
- Câu 327 :** X quang trong chấn thương niệu đạo sau có thể thấy:
A. Vỡ xương mu
B. Vỡ xương chậu
C. Vỡ ổ cối
D. Nứt cánh chậu
- Câu 328 :** Đây là đặc điểm của bong gân độ III, NGOẠI TRỪ:
A. Có thể mẻ mẫn xương nơi bám của dây chằng
B. Bao khớp bị tổn thương
C. Khớp còn vững vàng
D. Dây chằng bị bong khỏi vị trí bám
- Câu 329 :** Đây là những di chứng về thần kinh sau chấn thương sọ não, NGOẠI TRỪ:
A. Liệt thần kinh VII
B. Động kinh
C. Trầm cảm
D. Liệt nửa người